

Bản án số: 798/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 16-10-2019

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý
2. Bà Phan Thị Hoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Phương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ Hồng Duyên - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: đường A, khu phố 3, phường N, Quận 9, Tp. HCM

Bị đơn: Ông Hoàng Q, sinh năm: 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường A, khu phố 3, phường N, Quận 9, Tp. HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà L và ông Q tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T vào năm 1985 và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 12/9/1985.

Sau khi kết hôn đôi bên chung sống hạnh phúc bình thường, từ năm 2014 đến nay thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Q sống không chung thủy, Bà L đã nhiều lần khuyên bảo ông Q nhưng ông Q không

thay đổi. Đã từ lâu phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, Nay xét không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa vì vậy bà Luyến yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: có 02 con chung tên Hoàng D, sinh ngày: 13/3/1986 và Hoàng T, sinh ngày: 17/01/1993, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo hòa giải nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa: nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Q vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Q, ông Q có nơi cư trú tại Quận 9. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Hoàng Q đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 27 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T cấp ngày 12/9/1985 cho bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Q. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của bà L, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, từ năm 2014 đến nay thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Q sống không chung thủy, bà L đã nhiều lần khuyên bảo ông Q nhưng ông Q không thay đổi. Đã từ lâu phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa, bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung và giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Q.

Hội đồng xét xử xét: ngày 18/4/2019 Tòa án nhân dân Quận 9 thụ lý vụ án ly hôn do bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn, yêu cầu ly hôn với ông Hoàng Q, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật cho ông Q đến Tòa án để ghi lời khai, hòa giải, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, từ những phân tích trên chứng tỏ giữa bà L và ông Q có mâu thuẫn bất hòa, ông Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông Q. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung tên Hoàng D, sinh ngày: 13/3/1986 và Hoàng T, sinh ngày: 17/01/1993, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: đương sự khai không có.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 là phù hợp.

- Về án phí sơ thẩm: bà L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và được cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2018/0009593 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T cấp ngày 12/9/1985 cho bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Q không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: có 02 con chung tên Hoàng D, sinh ngày: 13/3/1986 và Hoàng T, sinh ngày: 17/01/1993, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: đương sự khai không có.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và được cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2018/0009593 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Q.9;
- Chi cục THADS Q9;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Trâm